

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-PT

Ngày: 02-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh; Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Trường D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện BT .

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Trường D** , sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 031/AN, ấp A, xã VA, huyện BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Quang E và bà Phạm Thị Đ ; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 140/QĐ-XPVPHC ngày 16/9/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn BT , huyện BT đã xử phạt 190.000 đồng về hành vi “Điều khiển xe mô tô không có gương chiếu hậu bên trái người điều khiển và không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực”; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 59/QĐ-XPVPHC ngày 17/9/2019 của Công an huyện BT đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ từ ngày 12/9/2019 đến ngày 14/9/2019 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 18/11/2019 bị bắt tạm giam cho đến nay; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trường D là người sử dụng trái phép chất ma túy và biết Hà Hữu T ở gần nhà D tại ấp An Quới, xã Vĩnh An, huyện BT, tỉnh Bến Tre là đối tượng chuyên bán ma túy cho người nghiện. Do không có tiền tiêu xài nên D nhận lời đi bán ma túy hộ cho T để lấy tiền công. Vào khoảng 21 giờ ngày 11/9/2019, D nhận điện thoại của T kêu đến gốc mai bên hông nhà của T lấy túi ma túy mang vào thị trấn BT bán hộ cho Trí, còn địa điểm giao nhận ma túy cho ai sẽ thông báo sau nên D điều khiển xe mô tô đến chỗ gốc mai lấy túi ma túy bỏ vào túi quần Jean phía sau bên trái rồi điều khiển xe vào thị trấn BT. Khi đến Khu phố 2, thị trấn BT, D bị Công an thị trấn BT yêu cầu dừng xe để kiểm tra thì phát hiện trong túi quần Jean của D có túi nylon chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên thông báo cho Công an huyện BT đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ tang vật gồm: 01 túi nylon màu trắng kích thước 14cm x 08cm được hàn kín ba cạnh, cạnh còn lại có rãnh khóa kéo ngang viền màu đỏ bên trong có chứa 01 túi nylon màu trắng kích thước 6,5cm x 04cm được hàn kín ba cạnh, cạnh còn lại có rãnh khóa kéo ngang, bên trong chứa nhiều chất tinh thể màu trắng được bỏ vào phong bì giấy niêm phong lại; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu gold, có gắn thẻ sim số 0352572923.

Tại Bản kết luận giám định số 111/2019/GĐMT ngày 13/9/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine, khối lượng 3,8112 gam.

Quá trình điều tra, D còn khai nhận từ tháng 8/2019 đến ngày 11/9/2019 có bán hộ cho T 3 lần 03 túi ma túy cho 3 người nghiện tại Khu đô thị Việt Sinh An Bình và Công viên BT nhưng không rõ lai lịch của những người mua, được T trả tiền công 700.000 đồng nhưng T không thừa nhận việc giao ma túy cho D đi bán hộ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện BT đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường D phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường D 04 (bốn) năm tù. Trừ thời gian đã tạm giữ trước đó 03 (ba) ngày, bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 03 (ba) năm 11 (mười một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2019. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/12/2019, bị cáo Nguyễn Trường D kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường D từ 02 đến 03 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Nguyễn Trường D mang 3,8112 gam ma túy loại methamphetamine với mục đích bán cho người nghiện theo yêu cầu của Hà Hữu T thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, D còn khai nhận từ tháng 8/2019 đến ngày 11/9/2019 có bán hộ cho T 3 lần 03 túi ma túy cho 3 người nghiện tại Khu đô thị Việt Sinh An Bình và Công viên BT nhưng không rõ lai lịch của những người mua, được T trả tiền công 700.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là chưa đúng. Bởi lẽ: ngoài lần bị bắt quả tang thu giữ 3,8112 gam ma túy loại methamphetamine mà bị cáo giấu trong túi quần với mục đích mang đi bán hộ cho T thì không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định bị cáo có bán hộ cho T trước đó 3 lần 03 túi ma túy đá cho những người nghiện, trong khi T trình bày không có nhờ bị cáo giao ma túy cho bất kỳ ai hoặc trả tiền công 700.000 đồng cho bị cáo. Theo quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự thì việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai D nhất của bị cáo thể hiện trong khi hồ sơ vụ án và tại phiên tòa để xác định bị cáo có bán ma túy hộ cho T 3 lần trước đó nhưng T không thừa nhận, không rõ ai mua, thời gian, địa điểm nào, tang vật...nên không có cơ sở để xác định bị cáo phạm tội 2 lần trở lên. Vì vậy, hành vi của bị cáo chỉ đủ yếu tố cấu thành “Tội mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự theo đề nghị của Kiểm sát viên là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 4 năm tù. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm xác định bị cáo phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 2 năm đến 7 năm tù. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên cho phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Do không có căn cứ để xác định bị cáo có bán ma túy cho 3 người và đối tượng T cũng không thừa nhận có trả tiền công cho bị cáo 700.000 đồng nên không có cơ sở để buộc bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính như quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 12/9/2019 đến ngày 14/9/2019. Thời hạn tù còn lại bị cáo Nguyễn Trường D phải chấp hành là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2019.

Không buộc bị cáo Nguyễn Trường D nộp 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng tiền thu lợi bất chính vào ngân sách Nhà nước.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Trường D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện BT (3b);
- Công an và VKSND huyện BT (2b);
- Chi cục THADS huyện BT (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện BT (2b để tổng đạt cho bị cáo 1b);
- UBND xã Vĩnh An, huyện BT (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn